

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 704 /TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K23-VX03/2025

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc năm 2025, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K23-VX03/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày **25/8** đến ngày **08/9/2025**;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15h00** Chủ nhật ngày **24/8/2025**;

- Địa điểm đào tạo: Km8+500 Đại lộ Thăng Long, thôn An Thọ, xã Sơn Đông, Tp Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm

chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **26/8/2025** theo tài khoản sau:

- + Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
- + Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội
- + Số tài khoản: 1440201030194
- + Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K23-VX03/2025

(Kèm theo Công văn số 704/TTLĐNN-TCLĐ ngày 19/8/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
1	50531851	Hoàng Bảo Trung	07/07/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-01
2	50306968	Nguyễn Văn Hứa	29/01/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-02
3	50306981	Nguyễn Văn Có	02/11/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-03
4	50307054	Hoàng Xuân Tùng	22/05/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-04
5	50307120	Hoàng Văn Biểu	12/05/1998	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-05
6	50307122	Lê Mạnh Tùng	24/10/1992	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-06
7	50307135	Trần Văn Công	17/01/1992	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-07
8	50307607	Lê Tiến Dũng	22/12/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-08
9	50307802	Nguyễn Hoàng	13/01/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-09
10	50307808	Thân Đức Anh	22/05/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-10
11	50370517	Đinh Quý Đôn	11/07/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K23VX03-11
12	50308795	Hoàng Thị Tuyết Nhung	11/04/1996	Nữ	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K23VX03-12
13	50309458	Phạm Hương Giang	13/09/1999	Nữ	Điện Biên	Điện Biên	K23VX03-13
14	50309498	Lầu A Minh	05/12/2002	Nam	Điện Biên	Điện Biên	K23VX03-14
15	51030667	Vương Đình Kiên	06/10/1997	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-15
16	51030717	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/05/2001	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-16
17	50302129	Nguyễn Huyền Thanh	05/06/1996	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-17
18	50302161	Vương Quốc Hùng	26/07/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-18
19	50302184	Trần Thế Vượng	03/01/2004	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-19
20	50302197	Triệu Văn Trường	10/01/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-20
21	50302247	Phan Văn Tùng Lâm	21/03/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-21
22	50302257	Nguyễn Minh Tú	30/08/2003	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-22
23	50302333	Đào Hải Đăng	06/06/1999	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-23
24	50302476	Vương Văn Hùng	18/09/2004	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-24
25	50302501	Hoàng Đình Dũng	27/04/2003	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-25
26	50302556	Nguyễn Phan Hiếu	10/01/2001	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-26
27	50302586	Tạ Văn Phúc	23/04/2000	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-27
28	50302600	Phạm Quang Đạt	26/04/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-28
29	50302602	Vũ Hồng Tùng	21/11/1991	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-29
30	50302616	Nguyễn Bá Duy	04/10/2000	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-30
31	50302695	Nguyễn Văn Minh	09/04/2001	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-31
32	50302698	Nguyễn Đức Sơn	23/01/1990	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-32
33	50302738	Vũ Thanh Tình	09/11/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-33
34	50302769	Vũ Thị Kim Anh	23/09/1999	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-34
35	50303025	Nguyễn Minh Tuyên	17/08/1992	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K23VX03-35
36	51030506	Nguyễn Thị Thu Cúc	03/05/1998	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K23VX03-36
37	50301726	Vũ Văn Duy	20/09/1986	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K23VX03-37
38	50301826	Lê Thị Phụng	10/06/1994	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K23VX03-38
39	50303342	Dương Mạnh Hưng	12/09/2002	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K23VX03-39
40	50303374	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/04/2001	Nữ	Hưng Yên	Hưng Yên	K23VX03-40

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
41	50303376	Đào Thị Lâm	05/08/2001	Nữ	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-41
42	50303389	Phạm Thị Thanh Hiền	05/02/1999	Nữ	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-42
43	50303399	Trần Viên Nghĩa	04/08/2001	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-43
44	50303439	Mai Nghĩa Phải	16/02/2002	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-44
45	50303516	Trương Công Minh	16/08/2000	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-45
46	50303547	Nguyễn Văn Thịnh	26/12/1998	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K23VX03-46
47	50311242	Trương Thị Tươi	03/03/2002	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-47
48	50311434	Nguyễn Thị Nhài	29/10/2000	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-48
49	50311661	Doãn Thị Thắm	03/12/2002	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-49
50	50311684	Tô Thị Hậu Hoài	03/12/2002	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-50
51	50341359	Nguyễn Thị Huyền	25/03/1999	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-51
52	50350758	Lý Minh Huân	22/12/2004	Nam	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-52
53	50350775	Ngô Đức Lương	02/07/1991	Nam	Thái Bình	Hung Yên	K23VX03-53
54	50304775	Hoàng Thúy Lâm	14/02/2002	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K23VX03-54
55	50304246	Nguyễn Thị Dự	17/10/1998	Nữ	Lào Cai	Lào Cai	K23VX03-55
56	50303716	Đinh Quang Ngọc	18/07/2000	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K23VX03-56
57	50303755	Trần Xuân Hoàng	04/06/2005	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K23VX03-57
58	50303783	Nguyễn Văn Long	13/09/2002	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K23VX03-58
59	50508068	Đoàn Thị Thu Hương	19/01/2001	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-59
60	50310023	Trần Thị Hồng Duyên	07/12/2003	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-60
61	50310035	Lê Duy Mạnh	28/02/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-61
62	50310067	Trần Thị Diệu Hằng	03/01/2004	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-62
63	50310146	Phạm Đình Thuận	09/10/2003	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-63
64	50310156	Vũ Tiến Dũng	10/11/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-64
65	50310186	Vũ Văn Nhất	10/01/2002	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-65
66	50310200	Đinh Văn Vũ	20/07/2004	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-66
67	50310214	Phạm Thị Linh Nhi	08/11/2004	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-67
68	50310223	Nguyễn Văn Quyết	15/05/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-68
69	50310263	Nguyễn Xuân Bách	30/07/1995	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-69
70	50310264	Đỗ Tiến Phi	28/10/2002	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-70
71	50310269	Ninh Xuân Tiệp	27/09/2000	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-71
72	50310273	Vũ Tuấn Anh	23/04/2002	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-72
73	50310275	Nguyễn Văn Dưỡng	28/01/2002	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-73
74	50310286	Mai Văn Đức	16/03/2000	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-74
75	50310308	Trần Đình Linh	07/11/2000	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-75
76	50310326	Nguyễn Văn Chiêu	28/11/2005	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-76
77	50310327	Bùi Thiện Hưng	10/11/1999	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-77
78	50310348	Phan Văn Hiếu	21/07/1995	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-78
79	50310360	Đào Xuân Ngọc	01/06/1995	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-79
80	50310457	Bùi Văn Tiên	01/07/2002	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-80
81	50310478	Vũ Đức Hùng	26/09/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-81
82	50310794	Trần Quang Ngọc	19/08/1990	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-82
83	50341079	Đào Văn Đạt	16/08/1994	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-83
84	50350609	Trần Văn Tùng	02/08/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-84

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
85	50350630	Đoàn Văn Hán	08/03/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-85
86	50350644	Phạm Ngọc Hoàng	10/11/1994	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K23VX03-86
87	50311809	Nguyễn Văn Thiện	01/07/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-87
88	50311840	Nguyễn Minh Quang	06/09/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-88
89	50311849	Nguyễn Thanh Minh	28/06/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-89
90	50311887	Nguyễn Ngọc Hưng	06/03/1998	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-90
91	50311911	Vũ Văn Hải	07/01/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-91
92	50311915	Lê Trọng Phúc	26/01/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-92
93	50311928	Hoàng Văn Dũng	08/09/1998	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-93
94	50312067	Vũ Văn Hà	27/08/1996	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-94
95	50312079	Phạm Văn Nguyên	13/04/1994	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-95
96	50312179	Tạ Ngọc Khánh	02/10/1999	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-96
97	50312182	Phạm Ngọc Ánh	26/05/1994	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-97
98	50312194	Trần Quang Khải	06/11/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-98
99	50312363	Nguyễn Văn Dương	01/01/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-99
100	50312392	Nguyễn Văn Thân	16/05/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-100
101	50312449	Đặng Văn Thùy	22/11/1990	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-101
102	50312528	Lê Quang Linh	04/11/1999	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-102
103	50312548	Phạm Văn Phong	12/02/1996	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-103
104	50312555	Nguyễn Mạnh Quỳnh	26/02/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-104
105	50312586	Nguyễn Văn Chung	07/05/1999	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-105
106	50312599	Phạm Xuân Khoa	17/08/1997	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-106
107	50312656	Phạm Xuân Chinh	15/03/2000	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-107
108	50312665	Hoàng Trung Dũng	28/08/1991	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-108
109	50312670	Trần Văn Liêm	15/08/1996	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-109
110	50312829	Tổng Văn Đệ	18/06/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-110
111	50312838	Lê Viết Đạt	05/10/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-111
112	50312862	Trần Văn Chiêu	27/06/1998	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-112
113	50312877	Trương Văn Nhâm	09/03/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-113
114	50312879	Lê Văn Đức	11/02/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-114
115	50312917	Nguyễn Mạnh Hải	08/09/1995	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-115
116	50312921	Đinh Vạn Tư	30/06/1989	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-116
117	50312953	Vũ Văn Huy	03/04/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-117
118	50340718	Ninh Đức Long	13/01/1991	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-118
119	50340744	Nguyễn Văn Tới	26/11/1989	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-119
120	50350909	Nguyễn Văn Thái	17/03/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-120
121	50350931	Trần Văn Chung	06/06/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-121
122	50350941	Trần Quang Tài	19/02/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-122
123	50350978	Phạm Tiến Hưng	03/12/2000	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-123
124	59090237	Khúc Văn Bình	23/10/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K23VX03-124
125	51036347	Dương Đình Thân	11/05/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-125
126	51036564	Trần Văn Đang	28/08/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-126
127	51036583	Nguyễn Văn Tài	15/10/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-127
128	50322054	Hồ Như Dũng	02/02/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-128

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
129	50322400	Phạm Ngọc Thạch	17/04/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-129
130	50322566	Nguyễn Văn Hùng	28/10/1986	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-130
131	50323340	Phan Văn Thái	09/08/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-131
132	50323984	Nguyễn Đức Hạnh	24/08/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-132
133	50324038	Trần Văn Hạnh	21/04/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-133
134	50324282	Đào Công Tuấn	05/09/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-134
135	50324653	Hồ Hoài Nam	12/07/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-135
136	50325188	Trần Thị Thuý	10/08/2003	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-136
137	50325629	Nguyễn Thị Thùy	10/06/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-137
138	50351239	Lê Văn Huy	18/01/1988	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-138
139	50353202	Ngô Kim Bắc	27/10/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-139
140	50353206	Mai Văn Trí	14/10/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-140
141	50353234	Hồ Phúc Duy	16/05/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-141
142	50353288	Bùi Duy Tuấn	10/01/1996	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-142
143	50353303	Trương Quang Thành	16/08/1989	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-143
144	50353333	Nguyễn Văn Nghĩa	12/05/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-144
145	50353339	Nguyễn Phúc Đệ	14/11/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-145
146	50353365	Nguyễn Phúc Quân	25/12/1988	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-146
147	50353371	Nguyễn Văn Sự	02/01/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-147
148	50353397	Nguyễn Văn Dũng	19/10/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-148
149	50353426	Nguyễn Thái Lực	04/07/1993	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-149
150	50353514	Hồ Văn Đông	25/07/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-150
151	50353518	Nguyễn Văn Đại	09/10/1990	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-151
152	50353543	Lê Văn Hùng	08/09/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-152
153	50353613	Hồ Bá Quân	04/02/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-153
154	50353618	Trần Văn Sỹ	16/03/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-154
155	50353718	Phan Văn Phong	30/09/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-155
156	50353731	Tạ Quang Phong	12/09/1993	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-156
157	50353749	Hồ Bá Hùng	20/09/1989	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-157
158	50353959	Nguyễn Công Chiến	28/11/1988	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-158
159	50354062	Hồ Sỹ Dũng	07/02/1988	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-159
160	50354088	Phan Văn Luyến	20/12/1985	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-160
161	50371652	Lương Bún Mơ	28/08/2000	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K23VX03-161
162	50309741	Nguyễn Ngọc Quế	29/04/2001	Nữ	Hòa Bình	Phú Thọ	K23VX03-162
163	50309838	Bùi Như Ý	03/02/1997	Nam	Hòa Bình	Phú Thọ	K23VX03-163
164	51031776	Hà Đức Kiên	25/10/1994	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K23VX03-164
165	50305945	Đỗ Hoàng Anh Tuấn	08/06/2000	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K23VX03-165
166	50306399	Vi Hoài Vũ	02/01/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K23VX03-166
167	50370445	Lê Đức Mạnh	26/09/2002	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K23VX03-167
168	50370477	Hà Văn Hùng	03/07/1987	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K23VX03-168
169	50309190	Đào Thị Phần	28/04/1999	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K23VX03-169
170	50350423	Lương Tiến Đạt	19/07/2001	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K23VX03-170
171	50309581	Quảng Văn Hậu	07/10/2005	Nam	Sơn La	Sơn La	K23VX03-171
172	50304946	Nguyễn Thị Thuý	23/08/1993	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K23VX03-172

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
173	50305066	Chữ Diệu vy	16/06/2004	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K23VX03-173
174	50305633	Trần Thị Ngọc	24/06/2002	Nữ	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K23VX03-174
175	50305696	Ngô Duy Đông	25/11/2004	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K23VX03-175
176	50305713	Nguyễn Quang An	04/09/1998	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K23VX03-176
177	51120898	Hoàng Xuân Tùng	10/05/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-177
178	50513406	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	16/03/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-178
179	51033955	Phạm Đăng Tuyển	20/01/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-179
180	51033968	Nguyễn Thị Thanh	06/09/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-180
181	51034449	Hoàng Văn Hoan	20/04/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-181
182	51034970	Nguyễn Thị Nhật Linh	20/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-182
183	50314339	Nguyễn Ngọc Khánh	24/11/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-183
184	50314601	Nguyễn Văn Tuấn	27/11/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-184
185	50314676	Lê Đình Tài	14/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-185
186	50314864	Lê Công Luật	06/10/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-186
187	50315020	Trần Thị Thùy Linh	08/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-187
188	50315701	Lê Trọng Hiếu	04/08/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-188
189	50315810	Trịnh Đình Huy	25/01/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-189
190	50316424	Nguyễn Gia Định	22/05/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-190
191	50316457	Trịnh Tiến Dũng	29/10/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-191
192	50316489	Lê Văn Hải	09/12/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-192
193	50316611	Lý Trần Quốc Cường	11/03/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-193
194	50318352	Mai Thị Thủy	21/11/2000	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-194
195	50318733	Lê Viết Công Thành	15/08/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-195
196	50319062	Chúc Bá Phúc	10/02/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-196
197	50319337	Nguyễn Văn Hiệp	10/04/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-197
198	50319340	Đỗ Văn Đạt	26/12/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-198
199	50319687	Hoàng Sỹ Đạt	29/12/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-199
200	50320955	Hoàng Thị Mai Chinh	19/08/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-200
201	50321041	Hoàng Minh Khánh	21/06/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-201
202	50321564	Nguyễn Văn Công	01/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-202
203	50321671	Lâm Mạnh Hưng	06/08/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-203
204	50321748	Bùi Văn Hùng	21/07/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-204
205	50351951	Đào Văn Phúc	05/10/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-205
206	50351963	Nguyễn Xuân Hà	06/04/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-206
207	50352311	Lê Trọng Chính	17/01/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-207
208	50352324	Nguyễn Văn Hưng	12/03/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-208
209	50352346	Nguyễn Đức Sĩ	20/02/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-209
210	50352425	Lê Xuân Hoàng	14/07/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-210
211	50352449	Nguyễn Hữu Tây	04/12/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-211
212	50352532	Lê Công Tài	02/09/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-212
213	50352552	Nguyễn Văn Tư	02/09/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-213
214	50352701	Chu Hữu Thành	30/01/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-214
215	50352980	Nguyễn Văn Hữu	10/10/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-215
216	50353116	Nguyễn Văn Dũng	13/06/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-216

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
217	50371451	Hà Huyền Diệu	29/08/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-217
218	50371568	Hà Ngọc Thương	12/01/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-218
219	50373731	Phạm Hữu Trung	05/12/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-219
220	50373794	Quách Tuấn Đạt	24/03/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K23VX03-220